

**Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 88 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Thị trấn Sa Thầy	Xã Hơ Moong	Xã Mô Rai	Xã Rờ Koi	Xã Sa Bình	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nhơn	Xã Sa Sơn	Xã Ya Ly	Xã Ya Tăng	Xã Ya Xiêr
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>222,36</b>	<b>22,60</b>	<b>7,72</b>	<b>80,39</b>	<b>35,51</b>	<b>3,44</b>	<b>1,10</b>	<b>7,04</b>	<b>1,98</b>	<b>6,38</b>	<b>44,35</b>	<b>11,85</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,30	0,80		0,50								
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	1,30	0,80		0,50								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	105,49	11,28	4,32	39,90	15,42	2,30	0,54	3,76	1,19	1,94	19,27	5,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	96,52	9,85	3,40	40,25	19,59	1,14	0,56	3,28	0,79	1,19	10,19	6,28
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	12,63										12,63	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	5,99	0,48								3,25	2,26	
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	0,00											
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,43	0,19		0,24								
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>1,93</b>	<b>0,46</b>		<b>1,47</b>								

**Ghi chú:** Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.